

Bản án số: 33/2021/DS-ST

Ngày: 14 – 9 - 2021

V/v “*Tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LAN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truyện.
2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh LAN.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2021/TLDS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXDS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Hồ Phi L (tên thường gọi là K), sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 23, ấp M, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn R (tên thường gọi là Thoi), sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 39, ấp Cái Đồi Đông, xã Bình Tân, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông R có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Trương Hồ Phi Long, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ông Trương Hồ Phi L trình bày: Từ trước đến nay, ông R sống độc thân. Vào năm 2017 đến năm 2018, ông R có mua thức ăn gia súc của ông thiếu số tiền gốc tổng cộng 137.117.000 đồng. Sau đó, ông R đã trả cho ông được hai đợt tổng cộng 90.000.000 đồng, còn thiếu lại 47.117.000 đồng. Khi mua bán, ông R không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho ông. Ông có tiến hành đòi nợ nhiều lần nhưng R đến nay vẫn không trả được khoản tiền gốc nào. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông R phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông số tiền gốc 47.117.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Ý kiến, đề nghị của bị đơn – Ông Trần Văn R trình bày: Từ trước đến nay, ông R sống độc thân. Ông xác định ông có mua thức ăn gia súc thiếu ông L số tiền tổng cộng 137.117.000 đồng. Sau đó, ông đã trả cho ông L được hai đợt tổng cộng 90.000.000 đồng, còn thiếu lại 47.117.000 đồng. Khi mua bán, ông không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho ông Long. Hiện nay, do ông làm ăn bị thua lỗ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông phải đi làm hồ để nuôi mẹ già nên ông xin ông L cho trả dần số tiền 47.117.000 đồng, cứ 06 tháng trả 10.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và không đồng ý cho ông R trả dần số tiền 47.117.000 đồng. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn là ông R có địa chỉ tại xã B, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của ông L tại phiên tòa: Ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L là phù hợp theo các **Điều 177, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự**.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của ông L khởi kiện yêu cầu ông R phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông L số tiền mua thức ăn gia súc gốc tổng cộng 47.117.000 đồng là có chứng cứ chứng minh thể hiện tại biên bản hòa giải tranh chấp dân sự của Ủy ban nhân dân xã B, thị xã K ngày 23 tháng 8 năm 2019. Đồng thời, được ông R thừa nhận nợ tại bản tự khai ngày 14 tháng 7 năm 2021 và tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là buộc ông R phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông L số tiền gốc tổng cộng 47.117.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự.

[4] Về đề nghị xin trả dần của ông R: Không được ông L đồng ý, pháp luật cũng không quy định nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông R phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 47.117.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước. Ông L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hồ Phi L, buộc ông Trần Văn R phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Trương Hồ Phi L số tiền 47.117.000 đồng (bốn mươi bảy triệu một trăm mười bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

2.1 Buộc ông Trần Văn R phải có nghĩa vụ chịu 2.356.000 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.2 Hoàn trả lại cho ông Trương Hồ Phi L 1.531.000 đồng (một triệu năm trăm ba mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009689 ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

3. Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông R, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Lvắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh LAn;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

